

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN CÁI RĂNG,  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2021/DS-ST

Ngày 08-12-2021

*V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Mẫn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Lư Thành Danh.

2/ Ông Lê Văn Thành.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoài Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Nhu – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 261/2019/TLST-DS ngày 09/12/2019 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 241/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc Th (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu vực 3, phường A, quận N, thành phố C.

Đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Mỹ L (Có mặt).

Địa chỉ: đường H, phường T, quận N, thành phố C.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 15/01/2020).

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu V (Vắng mặt).

Địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện nay (mới): Ấp T, thị trấn P, huyện P, tỉnh A.

Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh Ph (Có mặt).

Địa chỉ: đường C, phường A, quận N, thành phố C.

(Theo hợp đồng ủy quyền ngày 19/11/2021)

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đào Thị Thanh H, sinh năm 1985 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: đường H, phường X, thị xã L, tỉnh Đ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Th, người đại diện hợp pháp của ông (bà L) trình bày:* Thông qua mối quan hệ quen biết, ngày 27/11/2018 ông cho bà V vay 150.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 27/11/2018 (bản gốc, bút lục 25), ngày 27/11/2018 cho vay 200.000.000 đồng. Đây là tiền vay bà V nhờ chuyển quan tài khoản của bà Đào Thị Thanh H tại Ngân hàng Vietcombank số 0531002494820 để trả tiền mua thức ăn cho cá (Nội dung chuyển: "*Th chuyển tiền giúp chị V mua thức ăn*"). Ông yêu cầu bà V trả tiền vay 350.000.000 đồng và lãi suất theo quy định đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ngày 05/11/2021 đại diện hợp pháp của ông Th có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 200.000.000 đồng mà bà V nhờ chuyển cho bà H trả tiền mua thức ăn cho cá.

*Bà Q - người đại diện hợp pháp của bị đơn (bà V) trình bày:* Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Th đối với số tiền 350.000.000 đồng và lãi phát sinh theo quy định. Bà thừa nhận trước đây có vay mượn tiền làm ăn, đáo hạn Ngân hàng với ông Th rất nhiều lần trong thời gian dài do ông Th là nhân viên Ngân hàng. Việc vay mượn này đã thanh toán hết nợ gốc, nợ lãi theo thỏa thuận. Đối với Giấy mượn tiền ngày 27/11/2018 là do bà V viết, tuy nhiên số tiền vay 150.000.000 đồng đã trả xong theo mốc thời gian bà đã ghi chú tại bản Sao kê của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 12/3/2020 số tài khoản 0111000800247 của bà Nguyễn Thị Thu V (Bút lục 29-39). Biên nhận gốc ông Th trả lại cho bà và bà đã xé bỏ bản gốc biên nhận này (Bút lục 46). Đối với bản sao chụp màn hình điện thoại các tin nhắn trên ứng dụng Zalo thể hiện

số tài khoản ông Th chuyển 200.000.000 đồng không phải của bà V, bà V không sử dụng tài khoản Zalo mà ông Th cung cấp.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H trình bày:* Trước đây bà với bà V có quen biết nhau, có cho bà V vay 200.000.000 đồng để làm ăn, các lần vay đều được bà chuyển cho bà V qua số tài khoản 0111000800247, sau đó bà V thanh toán lại bằng chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng. Ông Th cho rằng chuyển cho bà 200.00.000 đồng để mua thức ăn là không đúng vì giữa bà với ông Th không quen biết, không có làm ăn với nhau. Do nhiều việc, con nhỏ nên bà đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt (Bản tường trình ngày 08/5/2020, bút lục 50). Theo kết quả xác minh ngày 11/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai thể hiện bà H cùng chồng con, mẹ ruột đã đi Singapore từ năm 2020 không còn ở địa chỉ trên. Địa chỉ cư trú mới thì địa phương không nắm.

*Diễn biến tại phiên tòa,* bà L vẫn giữ nguyên việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 200.000.000 đồng và đề nghị Tòa án không xác định hay triệu tập bà H với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này nữa. Số tiền vay này không thỏa thuận thời hạn trả nợ vay, không thỏa thuận lãi suất nhưng thực tế bà V đóng lãi cho ông Th được 03 - 04 tháng (không nhớ rõ) với lãi suất 1%/tháng. Bà yêu cầu bà V trả cho ông Th tiền vay gốc 150.000.000 đồng và lãi suất 9%/năm (tương đương 0.75%/tháng) sau thời gian 04 tháng mà bà V đóng lãi cho ông, tức ngày 27/3/2019 đến ngày xét xử 08/12/2021.

Ông Ph xác định trước đó bà V có thường trú tại địa chỉ số T9-4 Chung cư Tây Nguyên Plaza, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ nhưng hiện nay không còn cư trú mà đã chuyển về thường trú tại địa chỉ Ấp Trung 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang theo như ghi nhận tại Hợp đồng ủy quyền ngày 19/11/2021. Ông yêu cầu Hội đồng xét xử cập nhật, sử dụng địa chỉ thường trú mới này.

Ông thống nhất việc ông Th rút lại một phần yêu cầu đối với số tiền 200.000.000 đồng, bà H không còn là người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này nữa. Trong các chứng cứ bà V cung cấp có các Phiếu bán hàng điện thoại Iphone của Công ty CP Đầu tư công nghệ Phương Tùng không liên quan gì đến số tiền vay này, ông thống nhất không sử dụng chứng cứ này.

Ông cung cấp bản Sao kê của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 10/01/2020 số tài khoản 0111000800247 của bà Nguyễn Thị Thu V và xác định căn cứ bản Sao kê này bà V đã trả cho ông Th được 136.000.000 đồng vì thời gian chuyển trả tiền cho ông Th đều diễn ra say thời gian ký vay (sau ngày 27/11/2018). Đến nay bà V chỉ còn nợ ông Th 14.000.000 đồng. Lý giải về bản Sao kê ngày 10/01/2020 cung cấp tại phiên tòa và bản Sao kê ngày 12/3/2020 bà Q cung cấp kèm theo Bản tự khai ngày 05/02/2020 (Bút lục 46) trong quá trình giải quyết vụ án ông cho rằng bà V yêu cầu Ngân hàng thực hiện Sao kê chỉ khác nhau về ngày/tháng yêu cầu, còn lịch sử, nội dung giao dịch của bà V được liệt kê trong 02 bản Sao kê này thì hoàn toàn giống nhau. Ông thừa nhận giữa bà V với ông Th có rất nhiều lần làm ăn với nhau đến khoảng giữa năm 2019 thì chấm dứt, những lần làm ăn này đều được thanh toán tiền gốc, lãi đầy đủ. Giấy mượn tiền ngày 27/11/2018 do bà V viết, chỉ lập 01 bản gốc ông Th giữ nhưng do sơ xuất khi trả nợ bà không yêu cầu ông Th trả lại.

Khi được Hội đồng xét xử yêu cầu giải thích các nội dung bà V chuyển trả tiền cho ông Th (mà theo ông Ph cho rằng đó là chuyển trả nợ vay 150.000.000 đồng chứ không phải cho các khoản nợ của những lần làm ăn trước đó) thì ông cho rằng do bà V sơ suất không ghi rõ nội dung chuyển trả cho khoản nợ 150.000.000 đồng vì thời điểm đó bà không nghĩ sẽ xảy ra tranh chấp.

Bà L cho rằng lời khai về Giấy mượn tiền ngày 27/11/2018 bà V đã trả xong nợ và đã xé bỏ (Bà Q - đại diện cho bà V khai trong quá trình giải quyết vụ án) và lời khai chỉ lập 01 bản gốc do ông Th giữ, bà V trả nợ xong nhưng do sơ suất không lấy lại (Ông Ph - đại diện cho bà V tại phiên tòa) hoàn toàn mâu thuẫn với nhau, chứng tỏ bà V chưa trả hết nợ như cho ông Th. Những lần bà V chuyển khoản cho ông Th qua số tài khoản 0111000208328 theo như liệt kê tại bản Sao kê ngày 10/01/2020 và ngày 12/3/2020 đó là trả cho những khoản nợ nhiều lần làm ăn trước đó như bà V thừa nhận nên bà không phải chứng minh là trả cho khoản vay 150.000.000 đồng vì khoản vay này đã có Giấy nhận nợ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, tuy nhiên vụ án vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, kiến nghị khắc phục.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Quá trình giải quyết vụ án cũng như diễn biến tại phiên tòa việc ông Th rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 200.000.000 đồng được ông

Ph đồng ý phù hợp quy định pháp luật, do đó bà H không phải là người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án này nữa.

Thấy rằng lời khai của phía bà V trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa mâu thuẫn với nhau về việc *"đã trả hết nợ/còn nợ 14.000.000 đồng"* cũng như bản gốc Giấy mượn tiền ngày 27/11/2018 *"bà V đã xé bỏ/chỉ lập 01 bản gốc do ông Th giữ, bà V trả nợ xong nhưng do sơ suất không lấy lại"*. 02 bản Sao kê tuy khác ngày yêu cầu Sao kê nhưng lịch sử, nội dung giao dịch thì trùng khớp nhau, nội dung bà V chuyển tiền cho ông Th không thể hiện chuyển trả cho khoản nợ vay 150.000.000 đồng nên không có căn cứ xác định bà V đã trả một phần (136.000.000 đồng) hay trả hết nợ cho ông Th mà việc chuyển trả nợ này phù hợp với lời thừa nhận của các bên về việc "giữa ông bà có nhiều lần làm ăn trước đó, những lần làm ăn này đều đã được thanh toán đầy đủ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Th là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Th với bà V có quan hệ vay tiền, ông cho rằng bà V vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên khởi kiện yêu cầu trả tiền vay gốc, lãi theo quy định. Tòa án nhân dân quận Cái Răng thụ lý giải quyết vụ án theo thẩm quyền, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Phía ông Th rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 200.000.000 đồng được ông Ph chấp nhận thể hiện sự tự nguyện định đoạt của đương sự, phù hợp quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ đó thấy rằng việc tranh chấp giữa ông Th với bà V không còn liên quan đến bà Đào Thị Thanh H, do đó bà H không còn là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[3] Số tiền vay 150.000.000 đồng căn cứ theo Giấy mượn tiền ngày 27/11/2021 Hội đồng xét xử nhận thấy đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi theo quy định tại các Điều 463, Khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự 2015.

Lời thừa nhận của bà V về Giấy mượn tiền ngày 27/11/2018 được xem là chứng cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 92, Điều 93 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định bà V có vay ông Th 150.000.000 đồng. Xét việc trả nợ Hội đồng xét xử thấy rằng về nguyên tắc vay nợ khi vay ông bà có lập biên nhận vay tiền (Giấy mượn tiền ngày 27/11/2018) để chứng minh, làm tin giữa bên cho vay, bên vay và là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên thì khi trả tiền cũng cần phải có biên nhận hoặc các văn bản, giấy tờ khác thể hiện nội dung đã trả tiền để chứng minh. Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của phía bà V hoàn toàn mâu thuẫn với nhau, điều này chứng minh được bản gốc Giấy mượn tiền ngày 27/11/2018 chỉ lập thành 01 bản duy nhất, bản gốc này được ông Th giữ, cung cấp cho Tòa án. Do đó, không thể vì sơ suất mà bà V không lấy lại Giấy mượn tiền ngày 27/11/2018 hay đã xé bỏ bản gốc sau khi đã trả hết tiền cho ông Th như trình bày.

[4] Về lịch sử giao dịch thể hiện tại bản Sao kê ngày 10/01/2020 và ngày 12/3/2020 thể hiện bà V sử dụng số tài khoản 0111000800247 chuyển tiền cho ông Th số tài khoản 0111000208328 tuy diễn ra sau thời gian vay nợ ngày 27/11/2018 nhưng tất cả những lần chuyển tiền này đều không thể hiện nội dung trả cho khoản vay 150.000.000 đồng. Do đó, việc chuyển trả này phù hợp với lời khai của phía bà V, ông Th về việc giữa bà với ông Th trước đó có nhiều lần làm ăn với nhau và đều được thanh toán đầy đủ. Từ những nhận định, nhận xét các chứng cứ các bên cung cấp tại Mục [3] và [4] có cơ sở khẳng định bà V vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại Khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Dân sự, do đó bà phải trả cho ông Th tiền vay gốc 150.000.000 đồng.

[5] Về lãi: Tuy bà L thừa nhận ông Th có nhận tiền lãi của bà V 03 hay 04 tháng (không xác định được chính xác) với mức lãi suất 1%/tháng không vượt quá mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015. Do ông Ph không có yêu cầu xem xét mức lãi suất, số tiền đóng lãi này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Mức lãi suất bà yêu cầu tại phiên tòa 9%/năm (tương đương 0.75%/tháng) cũng không vượt quá mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 nên có căn cứ chấp nhận. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự thì đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì ông Th có quyền đòi lại tiền vay bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bà V một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tiền vay. Trước khi nộp đơn khởi kiện ông Th không thông báo trước cho bà V biết để thực hiện nghĩa vụ nên không có căn cứ xác định thời

gian bà V chậm trả nợ. Theo hướng dẫn tại điểm a Khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm Hội đồng xét xử xác định thời gian hợp lý trong trường hợp này là 15 ngày kể từ ngày tiếp theo bà V nhận được Thông báo thụ lý vụ án (thông qua hình thức tổng đạt, chuyển phát bưu điện, niêm yết) bởi trong Thông báo thụ lý vụ án (đoạn cuối) Tòa án đã thông báo cho bà (đương sự) biết: *"Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Thông báo này, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập (nếu có)..."*. Theo Biên bản tổng đạt thể hiện trong hồ sơ vụ án (Bút lục 19) thì ngày 16/12/2019 phía bà V ký nhận Thông báo thụ lý vụ án, như vậy thời gian chậm trả được tính kể từ ngày 01/01/2020 đến ngày 08/12/2021 (ngày tuyên án) là 01 năm 11 tháng 07 ngày tương đương số tiền lãi 26.137.500 đồng. Trường hợp bà V vẫn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi sau ngày tuyên án thì bà phải tiếp tục trả tiền lãi cho ông Th với mức lãi suất 0.75%/tháng tương ứng với tiền nợ gốc chưa trả kể từ ngày 09/12/2021 đến ngày trả hết nợ.

[6] Căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà L yêu cầu tính lãi sau thời gian 04 tháng mà bà V đóng lãi cho ông Th, tức là 02 năm 08 tháng 11 ngày tính từ ngày 27/3/2019 đến ngày tuyên án 08/12/2021 với số tiền lãi 36.412.500 đồng vượt quá so với số tiền lãi được chấp nhận 26.137.500 đồng là 10.275.000 đồng nên bà phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền lãi vượt yêu cầu 10.275.000 đồng là 513.750 đồng. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.750.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/005755 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, ông Th được nhận lại 8.236.000 đồng (đã làm tròn) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng; Do yêu cầu khởi kiện của ông Th có căn cứ chấp nhận nên bà V phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm đối với tiền nợ gốc và nợ lãi (tính đến ngày 08/12/2021) phải trả 176.137.500 đồng là 8.807.000 đồng (đã làm tròn).

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Căn cứ vào:** Điều 5, Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, Điều 93, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Điều 463, Khoản 1 Điều 468, Khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Điểm a Khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc Th.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu V phải trả cho ông Nguyễn Ngọc Th 176.137.500 đồng (Trong đó: Nợ gốc 150.000.000 đồng và nợ lãi 26.137.500 đồng).

Trường hợp bà V vẫn vi phạm nghĩa vụ trả nợ sau ngày 08/12/2021 thì bà phải tiếp tục trả tiền lãi cho ông Th với mức lãi suất 0.75%/tháng tương ứng với tiền nợ gốc chưa trả kể từ ngày 09/12/2021 đến khi trả hết nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu V phải chịu 8.807.000 đồng (đã làm tròn); Ông Th phải chịu 513.750 đồng đối với số tiền lãi vượt quá yêu cầu. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.750.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/005755 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, ông Nguyễn Ngọc Th được nhận lại 8.236.000 đồng (đã làm tròn) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng.

Về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện



thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND Tp. Cần Thơ;
- VKSND Q. Cái Răng;
- CCTHADS Q. Cái Răng;
- Lưu: Hồ sơ (TC: 14).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Minh Mẫn**